

Số: /BC-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO**Tổng kết việc thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân. Kết quả như sau:

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT**1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các chính sách của Luật Thuế thu nhập cá nhân**

Luật Thuế TNCN hiện hành được Quốc hội khóa XII tại kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007 thay thế Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009. Trong quá trình thực hiện, để tháo gỡ kịp thời những vướng mắc phát sinh, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội (KT-XH) trong từng giai đoạn, Quốc hội đã ban hành Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN áp dụng từ 01/7/2013, Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế (trong đó có Luật Thuế TNCN) áp dụng từ ngày 01/01/2015. Tại một số Luật chuyên ngành khác cũng đã sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Thuế TNCN như: Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 48/2024/QH15, Luật số 56/2025/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15. Ngoài ra, UBTVQH cũng đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02/6/2020 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN, áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020.

Trong những năm qua, việc thực hiện chính sách thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã phát huy được vai trò là công cụ quan trọng trong việc thực hiện chính sách điều tiết, phân phối lại thu nhập, từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các cá nhân trong xã hội, hướng tới công bằng xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Hệ thống chính sách thuế TNCN đã từng bước được rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện nhằm xây dựng một hệ thống chính sách thuế đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nhằm định hướng cho việc hoàn thiện hệ thống thuế hướng đến nền tài chính bền vững, lành mạnh trong trung và dài hạn, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước (NSNN), quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc

gia an toàn, bền vững, trong đó nhấn mạnh việc tập trung: “Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế...”.

Tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) 10 năm giai đoạn 2021 – 2030 và Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2021-2025, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã đưa ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển KT-XH và định hướng cải cách hệ thống chính sách thuế như sau:

“Sửa đổi, bổ sung các luật về thuế, phí theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với cơ cấu lại nguồn thu, mở rộng cơ sở thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế và áp dụng mức thuế suất hợp lý, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời góp phần thiết lập môi trường cạnh tranh phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế”.

“.... Mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính công bằng, trung lập của chính sách thuế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ các thủ tục nộp thuế, phí của người dân và doanh nghiệp”.

Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó đặt ra các yêu cầu về việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra. Tại Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/0/2025 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng đã đề ra nhiệm vụ rà soát các quy định của Luật Thuế TNCN hiện hành để trình Quốc hội phương án sửa đổi, bổ sung trong năm 2025. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/CP ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân. Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp về cải cách hệ thống chính sách thuế như sau: *“Thực hiện các giải pháp khả thi để đạt tỷ lệ huy động cao hơn vào ngân sách nhà nước, khai thác các dự địa thu, mở rộng và chống xói mòn cơ sở*

thuế, đẩy mạnh chống thất thu, phấn đấu giảm tỷ lệ nợ đọng thuế dưới 5% tổng thu ngân sách nhà nước.... Hạn chế việc lồng ghép các chính sách xã hội trong pháp luật về thuế. Rà soát, hoàn thiện các quy định ưu đãi thuế để tránh thất thu, bảo đảm minh bạch, công bằng, khả thi, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế....”

Bên cạnh đó, ngày 23/4/2022, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 508/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, trong đó tại điểm d khoản 1 Mục III đã đưa ra các giải pháp cụ thể đối với thuế TNCN là: *“Rà soát bổ sung đối tượng chịu thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng điều chỉnh số lượng và các mức thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế phù hợp với bản chất của từng loại thu nhập, tạo điều kiện đơn giản trong quyết toán thuế TNCN cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế, ngăn chặn các hành vi trốn, tránh thuế; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về miễn, giảm thuế phù hợp với bối cảnh KT-XH của đất nước trong từng giai đoạn và thông lệ quốc tế”*.

Trong giai đoạn vừa qua, hội nhập kinh tế quốc tế đã trở thành một trong những động lực quan trọng để phát triển đất nước, thu hút nguồn nhân lực, nguồn vốn, nguồn công nghệ cao, nâng cao nhận thức và cải thiện năng lực của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Cạnh tranh về nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực khoa học công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các quốc gia ngày càng gay gắt. Cùng với đó, sự xuất hiện của những khoản thu nhập phát sinh qua các mô hình kinh doanh mới, hoạt động thương mại điện tử qua biên giới cũng đang đặt ra một số yêu cầu đối với việc hoàn thiện hệ thống chính sách thuế TNCN. Gần đây, nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm cả các nước phát triển và đang phát triển, đã liên tục đưa ra các biện pháp cải cách về chính sách thuế TNCN để thích ứng với các xu thế này.

Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật Thuế TNCN đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt KT-XH của đất nước và đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật. Thuế TNCN đã trở thành một trong những sắc thuế quan trọng trong hệ thống thuế của nước ta. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển, hội nhập những năm gần đây và do sự biến động nhanh của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu để rà soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn, đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ của hệ thống pháp luật cũng như mục tiêu đề ra của Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2021-2030.

Từ bối cảnh và thực tế nêu trên, cần đánh giá, tổng kết việc thi hành Luật Thuế TNCN để nghiên cứu, bổ sung hoàn thiện phù hợp với bối cảnh, điều kiện, đặc điểm của nước ta cũng như xu thế phát triển trong thời gian tới.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

- Các nội dung vướng mắc được tổng hợp trong quá trình xử lý các kiến nghị của cá nhân, người nộp thuế.
- Việc tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện được tổ chức thông qua các cuộc họp, hội thảo, văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Việc tổng kết, đánh giá để sửa đổi, bổ sung nhằm thực hiện các chủ trương, đường lối, định hướng của Đảng và Nhà nước trong thời gian qua nhằm ưu tiên phát triển một số lĩnh vực.

Luật Thuế TNCN hiện hành được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 2 ngày 21/11/2007, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 26/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 56/2024/QH15. Tại một số Luật chuyên ngành khác cũng đã sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật Thuế TNCN như: Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 48/2024/QH15, Luật số 56/2025/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15.

Ngày 02/6/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020.

Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật Thuế TNCN đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt KT-XH của đất nước và đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật. Trong tiến trình phát triển KT-XH và hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với sự biến động nhanh của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, cũng đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu đề ra soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn, tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho người nộp thuế, đảm bảo tính minh bạch và đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Tuy nhiên, sau nhiều năm áp dụng thực thi trên thực tế, bối cảnh trong nước và quốc tế hiện nay đang có nhiều thay đổi, quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng, sự phát triển của nền kinh tế nội địa ngày càng lớn, tác động đến mọi lĩnh vực kinh tế, đời sống, xã hội. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế và tăng cường hội nhập quốc tế, các khoản thu nhập của cá nhân ngày càng đa dạng, phức tạp, các hình thức kinh doanh mới liên tục xuất hiện tạo ra nhiều nguồn thu nhập cho cá nhân mà quy định hiện hành chưa bao quát được hết như các hình thức giao dịch thương mại điện tử, đầu tư, kinh doanh các ngành nghề dựa trên nền tảng kỹ thuật số; các mô hình kinh doanh mới xuất hiện các khoản thu nhập mới như thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số...

Một số quy định của Luật Thuế TNCN hiện hành cũng cần phải được điều chỉnh cho phù hợp với quy định của Luật Đất đai năm 2024, Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế TNCN, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính và gần đây là Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. Qua

đó, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Do đó, Luật Thuế TNCN cần phải được thay thế nhằm tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nêu tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016, đồng thời kịp thời thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng được xác định trong Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm giai đoạn 2021-2030 và Phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 đã được Đại hội lần thứ XIII của Đảng thông qua; phù hợp với mục tiêu cải cách thuế TNCN, xây dựng hệ thống thuế đồng bộ; khắc phục những vướng mắc, hạn chế của chính sách thuế TNCN hiện hành; đồng thời phù hợp với bối cảnh hội nhập, xu hướng phát triển kinh tế của các nước trên thế giới.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Những kết quả đạt được

Kể từ khi ban hành năm 2007 đến nay, Luật Thuế TNCN đã được rà soát sửa đổi, bổ sung vào các năm 2012, 2014. Trong hơn 10 năm triển khai thực hiện, Luật Thuế TNCN đã góp phần quan trọng trong điều tiết thu nhập của các tầng lớp dân cư; đảm bảo đồng viên một cách hợp lý thu nhập dân cư; khuyến khích minh bạch các nguồn thu nhập của cá nhân trong lao động, sản xuất kinh doanh, làm giàu chính đáng. Việc thực hiện chính sách thuế TNCN có tính đến các bước đi phù hợp với tình hình KT-XH và thông lệ quốc tế, nhờ đó đã đồng viên kịp thời các nguồn lực cho ngân sách nhà nước (NSNN) giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội. Về cơ bản, việc thực hiện Luật Thuế TNCN trong giai đoạn vừa qua đã đạt được các mục tiêu khi ban hành Luật (bao gồm cả những lần sửa đổi, bổ sung).

Một số đánh giá cụ thể như sau:

Thứ nhất, Luật Thuế TNCN và các Luật sửa đổi, bổ sung đã được hoàn thiện theo đúng định hướng cải cách hệ thống thuế, phí và lệ phí được xác định trong các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước, đồng thời đã bám sát các mục tiêu, định hướng xác định trong Chiến lược cải cách hệ thống chính sách thuế giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011. Chiến lược này cũng đã đặt ra các yêu cầu, định hướng cụ thể đối với việc sửa đổi, bổ sung chính sách thuế TNCN như: nghiên cứu sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng cơ sở thuế và xác định rõ thu nhập chịu thuế; sửa đổi, bổ sung phương pháp tính thuế đối với từng khoản thu nhập theo hướng đơn giản, phù hợp với thông lệ quốc tế để nâng cao tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và tạo thuận lợi cho công tác quản lý thuế; điều chỉnh số lượng thuế suất phù hợp với thu nhập chịu thuế và đối tượng nộp thuế; cơ bản thống nhất mức thuế suất đối với thu nhập cùng loại hoạt động hoặc hoạt động tương tự đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế giữa thể nhân và pháp nhân (doanh nghiệp); điều chỉnh mức thuế suất hợp lý nhằm đồng viên, khuyến khích cá nhân làm giàu hợp pháp¹. Qua đó, đã đáp ứng kịp thời, hiệu quả các

¹ Các nội dung sửa đổi thời gian qua như: Về mức giảm trừ gia cảnh (từ 01/01/2009 mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm), mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng; từ 01/7/2013 mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 9

yêu cầu đặt ra từ thực tiễn phát triển đất nước cũng như quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bám sát các mục tiêu, định hướng được xác định trong các chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn của đất nước. Ngay sau Luật Thuế TNCN và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế TNCN được ban hành, Chính phủ và Bộ Tài chính đã khẩn trương ban hành kịp thời các văn bản hướng dẫn thực hiện. Nhờ đó, đã hình thành được hành lang pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho việc tổ chức thực hiện Luật một cách thuận lợi².

triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm), mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng; từ 01/01/2020 mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm), mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng); Về thu nhập chịu thuế (rà soát loại bỏ một số khoản trợ cấp không còn nữa (trợ cấp giải quyết tệ nạn xã hội); bổ sung nội dung có tính nguyên tắc để cho phép Chính phủ quy định một số khoản trợ cấp mang tính bảo trợ xã hội và các khoản trợ cấp, phụ cấp không mang tính chất tiền lương, tiền công vào diện loại trừ khỏi thu nhập chịu thuế; bổ sung thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản bao gồm các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản dưới mọi hình thức; bổ quy định thu thuế TNCN đối với hình thức trúng thưởng trong casino); Về thu nhập miễn thuế (bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của thuyền viên là người Việt Nam làm việc cho các hãng tàu nước ngoài hoặc các hãng tàu Việt Nam vận tải quốc tế; thu nhập của cá nhân là chủ tàu, cá nhân có quyền sử dụng tàu và cá nhân làm việc trên tàu từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản xa bờ; miễn thuế đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng và khoản đóng góp vào quỹ hưu trí tự nguyện được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế theo mức do Chính phủ quy định); Về điều chỉnh phương pháp tính thuế (Đối với cá nhân kinh doanh trước đây áp dụng quy trình tính thuế khá phức tạp: cá nhân xác định doanh thu, chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh, sau đó lại xác định thu nhập tính thuế trên cơ sở tính giảm trừ gia cảnh để áp dụng biểu thuế lũy tiến; trường hợp cá nhân kinh doanh chưa thực hiện được chế độ kế toán, không xác định được thu nhập chịu thuế thì cơ quan thuế ấn định thu nhập, cuối năm phải quyết toán thuế; từ 01/01/2015, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp đơn giản theo tỷ lệ trên doanh thu. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản: trước đây áp dụng 2 phương pháp tính thuế theo thuế suất 25% trên thu nhập (giá bán trừ giá vốn và các chi phí liên quan) hoặc theo tỷ lệ 2% trên giá bán nếu không xác định được giá vốn, các chi phí liên quan và có chứng từ chứng minh; từ 01/01/2015, cá nhân chuyển nhượng bất động sản nộp thuế 2% trên giá bán từng lần chuyển nhượng. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán: trước đây cũng áp dụng 2 phương pháp tính thuế theo thuế suất 20% trên thu nhập năm (giá bán - giá mua và các chi phí liên quan) hoặc trường hợp không xác định được giá vốn, các chi phí liên quan và có chứng từ chứng minh thì nộp thuế 0,1% trên giá bán từng lần; trường hợp cá nhân áp dụng kỳ tính thuế theo năm thì mỗi lần chuyển nhượng cá nhân tạm nộp thuế TNCN 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần, cuối năm quyết toán được trừ số thuế đã tạm nộp trong năm; từ 01/01/2015 cá nhân chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần chuyển nhượng);...

² Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế TNCN; Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2007/NĐ-CP về quản lý thuế và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP; Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật số 71/2014/QH13; Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế TNCN và Nghị định số 100/2008/NĐ-CP; Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 sửa đổi, bổ sung một số quy định về thuế, quản lý thuế và hóa đơn, chứng từ; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP; Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế TNCN quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số

Thứ hai, việc thực hiện Luật Thuế TNCN đã góp phần quan trọng tăng cường công tác kiểm soát, phân phối thu nhập và điều tiết vĩ mô nền KT-XH.

Thuế TNCN được xây dựng trên các nguyên tắc “lợi ích”, “công bằng” và “khả năng nộp thuế”. Theo nguyên tắc “lợi ích” thì mọi người trong xã hội đều được hưởng những thành quả phát triển của đất nước về thể chế luật pháp, cơ sở hạ tầng, phúc lợi xã hội, an ninh trật tự, văn hóa, giáo dục... đồng thời cũng có nghĩa vụ đóng góp một phần thu nhập của mình cho xã hội thông qua việc nộp thuế. Nguyên tắc “công bằng” và “khả năng nộp thuế” thể hiện ở chỗ: người có thu nhập cao hơn thì nộp thuế nhiều hơn, người có thu nhập như nhau nhưng có hoàn cảnh khó khăn hơn thì nộp thuế ít hơn, người có thu nhập thấp chưa phải nộp thuế.

Trong thời gian qua, các thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường bất động sản, thị trường khoa học công nghệ... đã có sự phát triển mạnh mẽ. Sự tăng trưởng kinh tế đã tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có cơ hội đầu tư, sản xuất kinh doanh, có thêm nhiều nguồn thu nhập khác nhau: thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công, từ đầu tư tài chính...; khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa nhóm người có thu nhập cao và nhóm người có thu nhập thấp cũng có xu hướng ngày càng tăng. Trong bối cảnh này, việc thực hiện Luật Thuế TNCN đã góp phần đảm bảo tính hợp lý, công bằng, hiệu quả của hệ thống chính sách thuế và hạn chế sự gia tăng khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư; đồng thời Nhà nước cũng nắm được thông tin về thu nhập của cá nhân góp phần phòng chống tham nhũng, vi phạm pháp luật.

Qua đánh giá kết quả thực hiện thời gian qua, có thể thấy chính sách thuế đối với TNCN đã thể hiện và phát huy được vai trò là công cụ quan trọng trong việc thực hiện chính sách điều tiết, phân phối lại thu nhập, từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các cá nhân trong xã hội theo chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Việc áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công với các mức thuế suất từ 5% đến 35% và thuế suất toàn phần đối với hộ kinh doanh được đánh giá là phù hợp với điều kiện KT-XH trong thời gian qua, góp phần điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội. Các cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh, từ chuyển nhượng bất động sản và một số khoản thu nhập khác đã thực hiện đóng góp một phần thu nhập vào NSNN.

Thứ ba, công tác quản lý, thu thuế TNCN có nhiều cải thiện, qua đó tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao ý thức, trách nhiệm về việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người dân.

Trong giai đoạn vừa qua, để hỗ trợ cho người nộp thuế trong việc tuân thủ các quy định về thuế, cùng với việc hoàn thiện về thể chế, chính sách, các quy định liên quan đến quản lý thuế nói chung, thuế TNCN nói riêng cũng liên tục được rà soát để sửa đổi, bổ cho phù hợp với các yêu cầu mới trên cơ sở tăng

cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng dữ liệu về người nộp thuế và tăng cường quản lý dựa trên rủi ro. Việc áp dụng cơ chế tạm khấu trừ thuế 10% đối với cá nhân có thu nhập từ nhiều nơi là một biện pháp quản lý có hiệu quả, giảm thiểu việc phải quyết toán thuế TNCN đối với nhiều trường hợp. Để thực hiện Luật Thuế TNCN, Cục Thuế đã xây dựng chế độ cấp mã số thuế để quản lý người nộp thuế. Mã số thuế được gắn liền với các tờ khai thuế nên cơ quan thuế sẽ có thông tin về người nộp thuế trên cơ sở đó hỗ trợ cho việc kiểm soát, đối chiếu thu nhập của các cá nhân. Cùng với đó, cơ quan thuế cũng đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế, thanh tra thuế.

Thứ tư, quy mô thu NSNN từ thuế TNCN ngày càng được mở rộng, góp phần quan trọng trong việc cơ cấu lại thu NSNN theo hướng bền vững.

Trong giai đoạn vừa qua, tỷ trọng số thu từ thuế TNCN trong tổng thu NSNN của nước ta đã tăng từ mức 5,33% năm 2011 lên hơn 9% năm 2024, phù hợp với xu hướng phát triển của nền kinh tế, góp phần quan trọng trong việc củng cố quy mô thu NSNN theo hướng bền vững. Thuế TNCN trở thành sắc thuế tạo ra nguồn thu cho NSNN đứng thứ ba trong hệ thống thuế, sau thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp. Kinh tế càng phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng thì nhu cầu chi tiêu của Nhà nước để giải quyết các vấn đề an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội, phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế... cũng ngày càng gia tăng. Trong giai đoạn vừa qua, nguồn thu từ thuế TNCN cùng với các nguồn thu NSNN khác đã tạo thành quỹ NSNN quan trọng, đảm bảo cân đối nguồn lực cho việc thực các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển KT-XH của đất nước.

Số thu thuế TNCN trong tổng thu NSNN qua các năm

Năm	Tổng thu NSNN (tỷ đồng)	Thuế TNCN (tỷ đồng)	Tỷ lệ thuế TNCN/ tổng thu NSNN (%)
2011	721.804	38.469	5,33
2012	734.883	44.959	6,12
2013	828.348	46.553	5,62
2014	877.697	47.844	5,45
2015	1.017.756	56.723	5,57
2016	1.131.503	65.235	5,77
2017	1.293.627	78.775	6,09
2018	1.431.662	94.364	6,59
2019	1.553.611	109.406	7,04
2020	1.510.579	115.150	7,62
2021	1.591.411	127.661	8,02
2022	1.815.500	162.944	8,98
2023	1.620.758	147.113	9,08
2024	2.043.700	186.300	9,12

Nguồn: Bộ Tài chính

Thứ năm, chính sách thuế TNCN đã được sử dụng một cách linh hoạt, hiệu quả để hỗ trợ cho cá nhân, người lao động trong những giai đoạn khó khăn,

tăng trưởng chậm.

Trong giai đoạn vừa qua, bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách thuế TNCN theo nội dung đã đề ra của Chiến lược cải cách hệ thống thuế nêu trên, tại những thời điểm khó khăn của nền kinh tế, một số chính sách về miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế TNCN cũng đã được Bộ Tài chính trình Chính phủ, trình Quốc hội ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền nhằm hỗ trợ các cá nhân vượt qua khó khăn, ổn định và phát triển đầu tư, kinh doanh, đặc biệt là trong giai đoạn 2011-2013 khi nền kinh tế phải ứng phó với các tác động bất lợi của tình hình kinh tế vĩ mô và trong 5 năm gần đây trước các ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19³ cũng như phục hồi kinh tế sau dịch. Việc thực hiện các chính sách này đã có tác động tích cực, kịp thời và đã nhanh chóng phát huy hiệu quả trên thực tiễn. Qua đó, cùng với việc tổ chức thực hiện các chính sách có liên quan khác đã góp phần quan trọng trong việc từng bước khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân, thể hiện sự chia sẻ của Nhà nước với người dân trong những giai đoạn khó khăn.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, trong tiến trình phát triển KT-XH và hội nhập kinh tế quốc tế, do sự biến động nhanh của kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã phát sinh một số hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn hiện nay, qua đó, kịp thời tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho người nộp thuế, đảm bảo tính minh bạch và đồng bộ của hệ thống pháp luật như:

- Một số quy định của Luật Thuế TNCN hiện hành qua một thời gian thực hiện cũng đã bộc lộ một số điểm bất cập, không còn phù hợp với tình hình kinh tế trong nước và quốc tế hiện nay như các vấn đề liên quan đến thu nhập chịu thuế, thu nhập miễn thuế, cơ sở tính thuế và phương pháp xác định số thuế phải nộp; biểu thuế lũy tiến. Mức điều tiết thu nhập của một số loại thu nhập cũng cần phải có những sự điều chỉnh cho phù hợp với xu hướng thuế quốc tế hiện nay và trong mối tương quan với các nguồn thu nhập khác nhau của cá nhân.

- Một số nội dung về phạm vi, đối tượng chịu thuế trong Luật Thuế TNCN chưa bao quát được đầy đủ các khoản thu nhập chịu thuế và sự xuất hiện của các mô hình kinh doanh mới.

2.2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

Những tồn tại, hạn chế nói trên xuất phát từ cả các nguyên nhân khách

³Năm 2020, 2021, 2022, 2023 và 2024 đã trình Chính phủ ban hành các Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020, Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021, Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022, Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023, Nghị định số 64/2024/NĐ-CP ngày 17/6/2024 về gia hạn thời hạn nộp thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế TNCN, tiền thuê đất) cho các đối tượng gặp khó khăn; Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH ngày 19/10/2021 để quy định các giải pháp về miễn, giảm thuế thuộc thẩm quyền của Quốc hội, trong đó có giải pháp miễn thuế TNCN phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tháng trong quý III và quý IV năm 2021 đối với hộ, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn cấp huyện chịu tác động của dịch COVID-1.

quan và chủ quan. Cụ thể như sau:

- Về nguyên nhân khách quan: Các khoản thu nhập của cá nhân ngày càng đa dạng, phức tạp. Các hình thức kinh doanh mới liên tục xuất hiện tạo ra nhiều nguồn thu nhập cho cá nhân. Trong khi đó hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ, khả năng phân tích, dự báo còn hạn chế, phản ứng chính sách còn chậm chưa theo kịp với sự phát sinh ngày càng nhiều loại hình kinh doanh mới.

- Về nguyên nhân chủ quan: Việc đánh giá, dự báo tình hình kinh tế trong nước và quốc tế còn chưa sát khi bối cảnh kinh tế thế giới biến động liên tục. Còn thiếu các hệ thống thông tin số liệu để có thể đánh giá một cách hiệu quả các chính sách được ban hành.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, các hiệp hội và từ thực tiễn công tác tổ chức thực hiện Luật Thuế TNCN 2007 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế TNCN được ban hành trong những giai đoạn sau đó, Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát toàn bộ các điều, khoản của Luật (**gồm 35 điều**), trên cơ sở đó đánh giá mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả thực tế của Luật Thuế TNCN; đồng thời, đã chỉ ra một số vấn đề vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện chính sách thuế TNCN giai đoạn vừa qua.

Qua rà soát, dự án Luật dự kiến sửa đổi, bổ sung 30 điều trên tổng số 35 Điều của Luật Thuế TNCN hiện hành (chiếm 86%), trong đó có quy định về phạm vi điều chỉnh (Điều 1); về thu nhập chịu thuế (Điều 3); về thu nhập được miễn thuế (Điều 4); về giảm thuế (Điều 5); về kỳ tính thuế (Điều 7); về thuế đối với cá nhân kinh doanh cư trú (Điều 10); về thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú (Điều 11); về thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn của cá nhân cư trú (Điều 12); về thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn của cá nhân cư trú (Điều 13), về thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản của cá nhân cư trú (Điều 14); về thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng của cá nhân cư trú (Điều 15); về thu nhập từ bản quyền của cá nhân cư trú (Điều 16); về thu nhập chịu thuế từ nhượng quyền thương mại của cá nhân cư trú (Điều 17); về thu nhập chịu thuế từ thừa kế, quà tặng của cá nhân cư trú (Điều 18); về giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế và người phụ thuộc (Điều 19); về giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo (Điều 20); về thu nhập tính thuế (Điều 21); về Biểu thuế lũy tiến từng phần (Điều 22); về Biểu thuế toàn phần (Điều 23); về thuế đối với thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú (Điều 25); về thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú (Điều 28); về thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của cá nhân không cư trú (Điều 29); về thuế đối với thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng của cá nhân không cư trú (Điều 31) và liên quan đến điều khoản thi hành (Điều 34, Điều 35).

Các nội dung liên quan đến quản lý thuế cũng sẽ được rà soát bãi bỏ để thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế như quy định về quy đổi thu nhập chịu thuế ra Đồng Việt Nam (Điều 6); quy định về quản lý thuế và hoàn thuế (Điều 8)... Sửa đổi quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú (Điều 24) và quy định về

trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân không cư trú (Điều 33). Ngoài ra, bãi bỏ Điều 9 về áp dụng điều ước quốc tế để thực hiện thống nhất theo quy định của Luật Điều ước quốc tế.

Đồng thời, thực hiện sắp xếp, bố cục lại nội dung, thứ tự các Điều, chỉnh sửa câu chữ một số nội dung cho phù hợp, thống nhất với việc sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan, đảm bảo tính chặt chẽ, dễ hiểu, dễ thực hiện của Luật sau khi được ban hành. Bên cạnh đó, rà soát để bổ sung quy định giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung cho phù hợp với thực tiễn phát sinh trong từng thời kỳ, đảm bảo việc thực hiện Luật không vướng mắc, có tính ổn định lâu dài.

Nội dung cụ thể như sau:

I. Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện (6 nội dung)

1. Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện (6 nội dung)

(1) Về thu nhập chịu thuế TNCN và cách tính thuế đối với từng loại thu nhập

Việc hoàn thiện quy định liên quan đến thu nhập chịu thuế TNCN và cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, tạo thuận lợi hơn cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong việc tuân thủ pháp luật về thuế TNCN, thúc đẩy cải cách hành chính và phù hợp với thông lệ quốc tế. Cụ thể:

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về cách tính thuế đối với từng loại thu nhập, kết cấu lại và điều chỉnh tên một số điều để tương ứng với nội dung sửa đổi

Luật Thuế TNCN hiện hành kết cấu riêng phần thu nhập chịu thuế (từ Điều 11 đến Điều 18), thu nhập tính thuế (Điều 21) và thuế suất (đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công áp dụng theo Biểu thuế lũy tiến từng phần tại Điều 22; đối với các loại thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, thừa kế, quà tặng áp dụng theo Biểu thuế toàn phần tại Điều 23).

Từ 01/01/2015, Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi cách tính thuế đối với cá nhân kinh doanh, theo đó cá nhân kinh doanh nộp thuế theo tỷ lệ trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh (trước đây thu nhập từ kinh doanh của cá nhân được coi là khoản thu nhập thường xuyên, cộng gộp với thu nhập từ tiền lương, tiền công để nộp thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần).

Như vậy, đối với từng loại thu nhập chịu thuế hiện nay có cách tính thuế và thuế suất riêng, các quy định về xác định thu nhập chịu thuế, thu nhập tính thuế, thuế suất đang được quy định “rải rác” ở các Điều của Luật, dẫn đến khó theo dõi cho người nộp thuế, chưa có công thức quy định số thuế phải nộp tính bằng (=) thu nhập chịu thuế/thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất.

Do vậy, cần kết cấu lại và quy định rõ cách tính thuế đối với từng loại thu nhập chịu thuế để đảm bảo đơn giản, góp phần giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về thu nhập chịu thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh

Tại khoản 1 Điều 3 Luật Thuế TNCN hiện hành quy định thu nhập từ kinh doanh bao gồm: Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ; Thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật.

Thực tiễn gần đây đã cho thấy với sự phát triển của khoa học công nghệ cùng với các hoạt động thương mại điện tử, kinh tế số xuyên biên giới, nhiều hoạt động hợp tác kinh doanh với các tổ chức có chia sẻ doanh thu, hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số có xu hướng gia tăng. Theo nguyên tắc và thông lệ quốc tế, quyền đánh thuế được chia sẻ giữa quốc gia nơi cá nhân cư trú và quốc gia nơi cá nhân phát sinh thu nhập. Thực tế thực hiện cũng phát sinh vấn đề vướng mắc đối với cá nhân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp thực hiện hoạt động đại lý, hoạt động môi giới có được xác định là hoạt động kinh doanh hay chỉ đơn thuần hưởng thù lao và nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công...

Tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025 cũng đã bổ sung quy định về người nộp thuế là doanh nghiệp nước ngoài phát sinh cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số. Theo pháp luật về thương mại, thì các hoạt động đại lý, môi giới là hoạt động trung gian thương mại, là một khâu trong hoạt động kinh doanh, cá nhân hoạt động đại lý, môi giới phải bỏ các chi phí (mặt bằng, đi lại...) để thực hiện công việc.

Theo đó, để góp phần nâng cao tính minh bạch của chính sách, tạo thuận lợi cho công tác thu, nộp, quản lý thuế đối với cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức đại lý, môi giới, hợp tác kinh doanh, chia sẻ doanh thu với các tổ chức, kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số, phù hợp với thông lệ quốc tế; góp phần nâng cao tính minh bạch của chính sách, tạo thuận lợi cho công tác quản lý thuế, cần thiết sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về thu nhập từ kinh doanh bao gồm: Thu nhập từ hoạt động đại lý, môi giới, hợp tác kinh doanh với tổ chức; Thu nhập từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về thu nhập chịu thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

Tại khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TNCN hiện hành quy định thu nhập từ tiền lương, tiền công bao gồm: Thu nhập từ tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công; Các khoản phụ cấp, trợ cấp, trừ các khoản: phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công; phụ cấp quốc phòng, an ninh; phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực theo quy định của pháp luật; trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần, tiền tuất hàng tháng và các khoản trợ cấp khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; trợ cấp

thôi việc, trợ cấp mất việc làm theo quy định của Bộ luật Lao động; trợ cấp mang tính chất bảo trợ xã hội và các khoản phụ cấp, trợ cấp khác không mang tính chất tiền lương, tiền công theo quy định của Chính phủ.

Để đảm bảo bao quát, cần sửa đổi, hoàn thiện quy định về thu nhập chịu thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo hướng bổ sung các khoản tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền do người sử dụng lao động trả cho người lao động dưới mọi hình thức, các khoản thu nhập khác và giao Chính phủ quy định các khoản phụ cấp, trợ cấp, thu nhập khác không mang tính chất tiền lương, tiền công không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về thu nhập chịu thuế TNCN và cách tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân (bao gồm cả chứng khoán phái sinh)

Khoản 4 Điều 3, Điều 13, Khoản 2 Điều 21, Điều 23 Luật Thuế TNCN quy định: Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế; Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán; Thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác.

Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá bán trừ giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập chịu thuế được xác định là giá chuyển nhượng từng lần. Thu nhập tính thuế từ đầu tư vốn cũng chính là thu nhập chịu thuế.

Thuế suất 20% trên thu nhập (giá bán trừ giá mua và các khoản chi phí hợp lý liên quan). Đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán: 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn là thời điểm giao dịch chuyển nhượng vốn hoàn thành theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện có ý kiến cho rằng việc thu thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần kể cả trường hợp cá nhân bị lỗ là chưa phù hợp, cần xác định phương pháp thu thuế trên thu nhập của cá nhân, nếu có lãi thì mới nộp thuế; cũng có ý kiến cho rằng cần tăng mức thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán lên mức cao hơn...

Trước đây, Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12 (có hiệu lực từ 01/01/2009) quy định 2 phương pháp thu thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, cụ thể: theo thuế suất 20% trên thu nhập năm (giá bán - giá mua và các chi phí liên quan), nếu không xác định được giá vốn, các chi phí liên quan và có chứng từ chứng minh thì nộp thuế 0,1% trên giá bán từng lần và không phải quyết toán thuế khi kết thúc năm tính thuế. Trường hợp cá nhân áp dụng phương pháp thu thuế theo thuế suất 20%, có kỳ tính thuế theo năm thì mỗi lần chuyển nhượng cá nhân tạm nộp thuế TNCN 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần, cuối năm quyết toán được trừ số thuế đã tạm nộp trong năm. Đến cuối năm nếu cá nhân chuyển nhượng chứng khoán có yêu cầu quyết toán thuế theo thuế suất 20% trên thu nhập và có đầy đủ chứng từ chứng minh giá vốn và các chi phí liên quan thì thực hiện khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

Để minh bạch về chính sách, tránh vướng mắc trong thực hiện và cải cách về thủ tục hành chính, Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015) quy định thống nhất một phương pháp tính thuế TNCN đối với chuyển nhượng chứng khoán theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

Ở một số nước, hầu hết các loại thu nhập từ vốn đều phải nộp thuế. Tuy nhiên cách thức và phương thức thu thuế của các nước cũng rất khác nhau. Có quốc gia thu theo tỷ lệ phần trăm trên giá chuyển nhượng, có quốc gia thu theo thu nhập có được từ hoạt động chuyển nhượng, có quốc gia áp dụng chính sách thuế khác giữa chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết.

Từ thực tiễn thực hiện thời gian qua, cũng như xu hướng, kinh nghiệm của các nước thời gian gần đây, cần thiết nghiên cứu để quy định rõ phương pháp tính thuế, thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về thu nhập chịu thuế TNCN và cách tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản của cá nhân

Khoản 5 Điều 3, Điều 14, Khoản 2 Điều 21, Điều 23 Luật Thuế TNCN quy định:

Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở; Thu nhập từ chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước; Các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản.

Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định là giá chuyển nhượng từng lần. Chính phủ quy định nguyên tắc, phương pháp xác định giá chuyển nhượng bất động sản.

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản: 2%.

Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Tại Nghị định của Chính phủ quy định: Giá chuyển nhượng bất động sản là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng tại thời điểm chuyển nhượng. Trường hợp trên hợp đồng chuyển nhượng không ghi giá đất hoặc giá đất trên hợp đồng chuyển nhượng thấp hơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thì giá chuyển nhượng đất là giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại thời điểm chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tại Điều 247 Luật Đất đai năm 2024 cũng đã sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14 Luật Thuế TNCN quy định cụ thể: *“Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định là giá chuyển nhượng từng lần; trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì thu nhập chịu thuế tính theo giá đất trong bảng giá đất”*.

Trong thực tế thực hiện chính sách thuế và quản lý thuế đối với giao dịch chuyển nhượng bất động sản trong thời gian qua đã phát sinh tình trạng cá nhân

thực hiện hoạt động chuyển nhượng bất động sản nhưng kê khai giá chuyển nhượng trong hồ sơ khai thuế thấp hơn nhiều so với giá thực tế mua bán nhằm giảm số thuế phải nộp, gây thất thu thuế của nhà nước.

Có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu quy định thu thuế TNCN 20% trên thu nhập đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản trên cơ sở thu nhập tính thuế xác định bằng giá chuyển nhượng bất động sản theo từng lần chuyển nhượng trừ giá mua bất động sản và các chi phí liên quan thì đảm bảo đúng theo bản chất giao dịch kinh tế; cần nghiên cứu để điều tiết thuế cao hơn khi chuyển nhượng đối với các trường hợp đầu cơ sở hữu 3, 4... bất động sản trong thời gian ngắn gây bất ổn cho thị trường bất động sản.

Đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, nhằm hạn chế tình trạng đầu cơ bất động sản, một số quốc gia đã sử dụng các công cụ thuế để tăng chi phí cho hành vi đầu cơ và giảm sức hấp dẫn của việc đầu cơ bất động sản trong nền kinh tế, trong đó có thuế TNCN. Ngoài ra, một số nước còn áp dụng thuế đối với lợi nhuận thu được từ giao dịch bất động sản phù hợp với tần suất giao dịch, thời gian mua, bán lại bất động sản. Nếu thời gian này diễn ra càng nhanh thì thuế suất càng cao, diễn ra chậm hơn thì thuế suất thấp hơn.

Tại Nghị quyết số 06/NQ-TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: *"Nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thuế, phí liên quan đến bất động sản nhằm khuyến khích sử dụng nhà, đất có hiệu quả"*. Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 16/6/2022 Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về *"Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao"* đã đưa ra nhiệm vụ, giải pháp: *"Quy định mức thuế cao hơn đối với người sử dụng nhiều diện tích đất, nhiều nhà ở, đầu cơ đất..."*. Nghị quyết số 62/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV yêu cầu: *"Rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về thuế liên quan đến kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản, tăng cường quản lý, chống thất thu thuế, bảo đảm nguồn thu ngân sách nhưng không làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, quyền lợi chính đáng của người dân và sự phát triển của thị trường bất động sản"*.

Việc thu thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản trên cơ sở thu nhập tính thuế xác định bằng giá chuyển nhượng bất động sản theo từng lần chuyển nhượng trừ giá mua bất động sản và các chi phí liên quan thì đảm bảo đúng theo bản chất giao dịch kinh tế và điều tiết thuế 20% trên thu nhập phát sinh tương đương như thuế TNDN áp dụng đối với doanh nghiệp⁴. Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả việc tính thuế theo phương pháp này đòi hỏi phải có cơ sở dữ liệu về lịch sử giao dịch của bất động sản để xác định giá vốn của bất động sản, điều kiện về hóa đơn, chứng từ chứng minh các khoản chi phí được trừ liên quan đến hoạt động chuyển nhượng; đồng thời phải đồng bộ với các chính sách có liên quan đến đất đai, nhà ở cũng như mức sẵn sàng của hạ

⁴ Riêng trường hợp chuyển nhượng nhà ở, đất ở duy nhất thì vẫn được miễn thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Thuế TNCN hiện hành và kế thừa ở Luật Thuế TNCN (thay thế).

tăng công nghệ thông tin về đăng ký, chuyển nhượng đất đai, bất động sản. Qua đó, có thể tạo điều kiện cho cơ quan thuế có đủ thông tin và cơ sở pháp lý để có được các thông tin liên quan đến bất động sản, thời gian nắm giữ bất động sản.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định để mở rộng phạm vi thu nhập từ thừa kế, quà tặng

Đối với thu nhập chịu thuế từ thừa kế, quà tặng, tại khoản 9, khoản 10 Điều 3, Điều 18 Luật Thuế TNCN hiện hành mới chỉ quy định thu thuế đối với tài sản thừa kế, quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và tài sản khác phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng mà không thu thuế TNCN đối với các loại tài sản thừa kế, quà tặng khác mà nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng. Qua rà soát kinh nghiệm quốc tế, nhiều quốc gia đánh thuế thừa kế, quà tặng theo giá trị.

Theo đó, để đảm bảo tính bao quát, công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với cùng một loại thu nhập, góp phần mở rộng cơ sở thuế theo định hướng đã được xác định trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước, phù hợp với pháp luật dân sự hiện hành về thừa kế và các hình thức thừa kế, cần thiết sửa đổi, hoàn thiện quy định về thu nhập từ thừa kế, quà tặng tại Luật Thuế TNCN (thay thế) như sau: Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và một số tài sản khác theo quy định của Chính phủ.

Việc giao Chính phủ quy định đối với một số tài sản khác để chủ động, đảm bảo linh hoạt, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước trong từng thời kỳ.

(2) Về thu nhập được miễn thuế

Luật Thuế TNCN quy định miễn thuế TNCN đối với 16 khoản thu nhập được miễn thuế để thực hiện các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc hỗ trợ cho các ngành, lĩnh vực ưu tiên, phù hợp với đặc điểm, bối cảnh của nước ta như: Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường; Thu nhập từ lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; Thu nhập từ kiều hối; Phần tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định của pháp luật; Tiền lương hưu do Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả; tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng...

Trong giai đoạn tới cần tiếp tục duy trì các quy định miễn thuế đối với khoản thu nhập này. Đồng thời, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội sửa đổi, hoàn thiện một số chính sách về miễn thuế TNCN đảm bảo việc miễn, giảm thuế phù hợp với thực tiễn, minh bạch trong thực hiện. Cụ thể:

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định miễn thuế đối với thu nhập do quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả

Khoản 10 Điều 4 Luật Thuế TNCN quy định: “Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả; tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng

tháng” là thu nhập miễn thuế TNCN. Như vậy, theo quy định của Luật Thuế TNCN hiện hành, cá nhân chỉ được miễn thuế TNCN đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng, chưa quy định cụ thể trong trường hợp người lao động rút tiền một lần trước hoặc sau khi về hưu.

Tại khoản 1 Điều 127 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 quy định Nhà nước *“khuyến khích phát triển bảo hiểm hưu trí bổ sung thông qua các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về thuế”*.

Thực tế thực hiện phát sinh vấn đề vướng mắc là: Theo quy định của Luật, cá nhân chỉ được miễn thuế TNCN đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện chi trả hàng tháng. Trường hợp người lao động rút tiền một lần trước khi về hưu thì có được miễn thuế TNCN không? Nếu không được miễn thuế thì thu thuế TNCN như thế nào?

Về chính sách TNCN đối với thu nhập từ tiết kiệm hưu trí, nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế cho thấy có hai phương thức thông dụng được các nước áp dụng hiện nay. Phương thức thứ nhất là: “miễn thuế – miễn thuế – đánh thuế” hay là “đánh thuế – miễn thuế – miễn thuế”. Theo phương thức thứ nhất thì cả phần thu nhập dùng để đóng góp cho quỹ và lãi thu được từ quỹ được miễn thuế song thu thuế đối với những khoản lợi ích được hưởng khi rút tiền ra khỏi quỹ. Phương thức thứ hai là “đánh thuế – miễn thuế – miễn thuế”, theo đó các khoản đóng góp không được khấu trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNCN nhưng tiền lãi và những khoản lợi ích cá nhân được hưởng khi rút tiền ra khỏi quỹ đều được miễn thuế.

So sánh với hình thức bảo hiểm xã hội hiện nay thì cả lúc đóng góp và lúc nhận lương hưu, trợ cấp, cá nhân đều được miễn thuế. Trong khi đó, cá nhân đóng góp quỹ hưu trí tự nguyện chỉ được trừ vào thu nhập tối đa 1 triệu đồng/tháng theo chính sách khuyến khích của Nhà nước, còn phần đóng góp cao hơn cá nhân phải tổng hợp vào thu nhập để tính thuế, có nghĩa là khoản đóng góp quỹ hưu trí tự nguyện là khoản thu nhập sau khi đã nộp thuế TNCN. Đến khi cá nhân nhận được khoản chi trả từ Quỹ nếu chỉ miễn thuế đối với thu nhập từ lương hưu hàng tháng, cá nhân không được miễn thuế đối với khoản nhận một lần. Quy định này cũng chưa thực sự phù hợp, nhất là trong việc thúc đẩy sự phát triển của các chương trình hưu trí tự nguyện theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước.

Để tạo điều kiện cho các cá nhân có sự linh hoạt hơn trong việc tham gia các chương trình hưu trí tự nguyện, đảm bảo sự nhất quán trong thực hiện chính sách cần thiết sửa đổi quy định về thuế TNCN đối với tiền lương hưu do quỹ hưu trí tự nguyện, quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung chi trả theo hướng không phân biệt chi trả một lần hay chi trả hàng tháng.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định miễn thuế đối với thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân và của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp; công ty trách nhiệm hữu hạn một

thành viên do cá nhân làm chủ là loại hình doanh nghiệp mà toàn bộ vốn điều lệ do một cá nhân sở hữu, và cá nhân đó là chủ sở hữu duy nhất của công ty, cá nhân này chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ đã đăng ký.

Doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Vì vậy, để đảm bảo đúng bản chất và không đánh trùng thuế đối với chủ thể kinh tế là doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ, cần thiết bổ sung quy định miễn thuế đối với thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân và của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ.⁵ Trường hợp chủ doanh nghiệp tư nhân, cá nhân là chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên còn có các khoản thu nhập khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh như thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng... thì vẫn thực hiện nộp thuế theo quy định.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định miễn thuế cho cá nhân làm việc tại một số tổ chức quốc tế đặc thù

Theo quy định hiện hành, việc miễn thuế TNCN đang được áp dụng đối với các đối tượng như: chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA (được miễn thuế theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTgCP ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ); chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam (được miễn thuế theo Quyết định số 06/2016/QĐ-TTg ngày 22/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ); cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc Hệ thống Liên Hợp quốc tại Việt Nam (được miễn thuế theo Quyết định số 07/2016/QĐ-TTg ngày 22/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Nội dung của các Quyết định này được kế thừa từ các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trước khi Luật Thuế TNCN có hiệu lực thi hành (Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 52/2000/TT-BTC ngày 05/6/2000 và Thông tư số 55/2007/TT-BTC ngày 29/5/2007 của Bộ Tài chính).

Trong giai đoạn hiện nay, chính sách ưu đãi miễn thuế TNCN đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA không hoàn lại, viện trợ phi chính phủ nước ngoài vẫn là cần thiết để khuyến khích, thu hút nguồn vốn viện trợ nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam. Đồng thời, chính sách miễn thuế TNCN đối với nhân viên Việt Nam làm việc cho cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên Hợp quốc cũng cần tiếp tục duy trì để bình đẳng về nghĩa vụ thuế, vì khoản lương mà nhân viên Việt Nam nhận được đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập theo quy định của Liên Hợp quốc. Khoản thuế này do cơ quan đại diện của Liên Hợp quốc giữ lại và coi khoản thu này như khoản thuế thu nhập quốc gia và đưa vào Quỹ bình ổn thuế của Liên Hợp quốc và được trừ bớt phần định mức đóng góp hàng năm của quốc gia vào ngân sách của Liên Hợp quốc.

⁵ Chính sách này đang quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

Theo đó, để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật thuế và đảm bảo cơ sở pháp lý, đề xuất sửa đổi, bổ sung tại Luật Thuế TNCN quy định miễn thuế trong một số trường hợp đặc biệt này. Đây cũng là những đối tượng đang được miễn thuế theo các văn bản dưới Luật trước thời điểm Luật Thuế TNCN hiện hành có hiệu lực thi hành. Cụ thể tại khoản 3 Điều 34 của Luật Thuế TNCN hiện hành đã quy định: “3. *Những khoản thu nhập của cá nhân được ưu đãi về thuế quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được hưởng ưu đãi*”.

Đồng thời, việc giao Chính phủ quy định chi tiết về các khoản thu nhập được miễn thuế sẽ phù hợp với thực tiễn phát sinh, đảm bảo việc miễn thuế được thực hiện đúng đối tượng, phù hợp với các nguyên tắc ban hành Luật được xác định gần đây là Luật chỉ quy định những nội dung có tính nguyên tắc.

(3) Về thuế TNCN đối với cá nhân kinh doanh

Để đảm bảo thống nhất với các quy định của pháp luật liên quan, khắc phục được những bất cập, tồn tại trong việc xác định thuế TNCN đối với hoạt động kinh doanh của cá nhân, cần thiết sửa đổi, hoàn thiện các quy định cụ thể như sau:

- Rà soát mức doanh thu chịu thuế đối với thu nhập từ kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tiễn, đảm bảo thống nhất với quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và giao thẩm quyền cho Chính phủ điều chỉnh mức này

Theo quy định của Luật Thuế TNCN năm 2007, đối với thu nhập từ kinh doanh cũng được áp dụng các khoản giảm trừ khi tính thuế TNCN. Tuy nhiên, đối với hộ, cá nhân kinh doanh, quy trình tính thuế này là phức tạp do đại bộ phận hộ, cá nhân kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, không xác định được chi phí, thu nhập chịu thuế nên cơ quan thuế phải thực hiện ấn định thu nhập, sau đó lại xác định thu nhập tính thuế dựa trên cơ sở giảm trừ gia cảnh để áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần như cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công.

Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật thuế (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015) quy định: Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống thì không phải nộp thuế TNCN; Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm nộp thuế TNCN theo tỷ lệ ấn định trên doanh thu theo từng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.

Quốc hội đã thông qua Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15, trong đó đã điều chỉnh tăng ngưỡng doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng của cá nhân kinh doanh lên mức 200 triệu đồng/năm (thay cho mức 100 triệu đồng) và áp dụng từ 01/01/2026. Đồng thời, tại Điều 17 Luật số 48/2024/QH15 cũng đã sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 của Luật Thuế TNCN điều chỉnh ngưỡng doanh thu không chịu thuế TNCN của cá nhân kinh doanh bằng với mức của thuế giá trị gia tăng. Do đó, nội dung này được tổng hợp từ Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15.

Đồng thời, để phù hợp với sự biến động của giá cả và tình hình KT-XH,

giao Chính phủ quy định mức này để chủ động, đảm bảo linh hoạt, phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển KT-XH trong từng thời kỳ.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về xác định doanh thu để thống nhất với các pháp luật liên quan

Theo quy định tại Điều 10 Luật Thuế TNCN hiện hành thì cá nhân kinh doanh nộp thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ trên doanh thu đối với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh. Doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp cá nhân kinh doanh không xác định được doanh thu thì cơ quan thuế có thẩm quyền ấn định doanh thu theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Hiện nay, Luật Thuế TNDN đã được Quốc hội thông qua vào ngày 14/6/2025, trong đó cũng đề xuất sửa đổi một số nội dung liên quan đến việc xác định doanh thu cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Theo đó, đối với hoạt động kinh doanh của cá nhân, việc xác định doanh thu cần rà soát để đảm bảo thống nhất, tương đồng với các pháp luật liên quan, nhất là pháp luật về thuế TNDN vừa được sửa đổi. Qua đó, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

- Điều chỉnh mức thuế suất đối với một số khoản thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số.

Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Luật thuế và các văn bản hướng dẫn về thuế (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015) quy định: Đối với hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 100 triệu đồng/năm nộp thuế TNCN theo tỷ lệ ấn định trên doanh thu theo từng ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh (Phân phối, cung cấp hàng hóa: 0,5%; Dịch vụ; xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 2% (Riêng hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp: 5%); Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 1,5%; Hoạt động kinh doanh khác: 1%). Quy định này đảm bảo chính sách đơn giản, rõ ràng, minh bạch, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế, tính tuân thủ pháp luật thuế của các hộ, cá nhân kinh doanh, tiết kiệm chi phí tuân thủ thuế cho người nộp thuế và cơ quan thuế.

Mặc dù quy định thu thuế TNCN theo tỷ lệ trên doanh thu, không tính trừ chi phí và các khoản giảm trừ, tuy nhiên mức tỷ lệ được xây dựng đã tính toán phù hợp hoạt động kinh doanh của cá nhân tương ứng với từng lĩnh vực, ngành nghề sản xuất, kinh doanh.

Quá trình thực hiện có ý kiến cho rằng tỷ lệ thuế TNCN trên doanh thu cần được tính toán, điều chỉnh lại cho phù hợp với đặc điểm của một số loại thu nhập, hoạt động kinh doanh đặc thù như hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số. Hiện hành, thu nhập của cá nhân từ các hoạt động này đang chịu sự điều tiết như một số khoản thu nhập khác, trong khi đây là những khoản thu nhập có tính chất đặc thù nên cần có mức thuế suất phù hợp để đảm bảo sự bình đẳng giữa các đối tượng nộp thuế, sự thống

nhất của hệ thống chính sách thuế, đảm bảo phát huy được vai trò điều tiết, phân phối lại của chính sách thuế TNCN trong hệ thống thuế⁶.

(4) Về giảm trừ gia cảnh, giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ đặc thù khác

Để đảm bảo khắc phục toàn diện hơn những vấn đề đặt ra trong thực tiễn trong việc xác định các khoản giảm trừ trước khi tính thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công, góp phần giảm bớt gánh nặng thuế cho người nộp thuế và đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển KT-XH trong giai đoạn vừa qua và xu hướng phát triển cũng như thông lệ quốc tế, đề xuất:

- Sửa đổi quy định về giảm trừ gia cảnh cho cá nhân người nộp thuế và người phụ thuộc

Theo quy định của Luật Thuế TNCN hiện hành, cá nhân được trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, trừ đi mức giảm trừ gia cảnh, các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, các khoản phụ cấp, trợ cấp theo quy định... số còn lại mới là thu nhập làm căn cứ tính thuế TNCN.

Luật Thuế TNCN (áp dụng từ 01/01/2009) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 4 triệu đồng/tháng (48 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 1,6 triệu đồng/tháng. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN số 26/2012/QH13 (áp dụng từ 01/7/2013) quy định mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 9 triệu đồng/tháng (108 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 3,6 triệu đồng/tháng. Đồng thời bổ sung quy định: Trường hợp chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động trên 20% so với thời điểm Luật có hiệu lực thi hành hoặc thời điểm điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh gần nhất thì Chính phủ trình UBTVQH điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản này phù hợp với biến động của giá cả để áp dụng cho kỳ tính thuế tiếp theo.

Ngày 02/6/2020, UBTVQH đã ban hành Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN (áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020). Theo đó, nâng mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng. Việc điều chỉnh nâng mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN đã góp phần giảm bớt nghĩa vụ cho người nộp thuế, số thuế phải nộp sẽ được giảm cho mọi đối tượng đang nộp thuế TNCN. Với mức giảm trừ cho bản thân người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng và cho mỗi người phụ thuộc là 4,4 triệu đồng/tháng như hiện nay thì người có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở mức 17 triệu đồng/tháng (nếu có 1 người phụ thuộc) hay mức 22 triệu đồng/tháng (nếu có 2 người phụ thuộc) sau khi trừ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... thì hiện nay cũng chưa phải nộp

⁶ Trước đây, tại Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của UBTVQH về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19 cũng loại trừ, không giảm thuế đối với thu nhập, doanh thu từ cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số; quảng cáo số của cá nhân.

thuế TNCN.

Ngày ..., UBTVQH đã ban hành Nghị quyết số ... về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN (áp dụng từ kỳ tính thuế năm...). Theo đó, nâng mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là ... triệu đồng/tháng (... triệu đồng/năm); mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là ... triệu đồng/tháng.⁷

Qua nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, hầu hết pháp luật Thuế TNCN của các nước đều có quy định về mức giảm trừ gia cảnh theo các hình thức và cách thức khác nhau. Về phân loại, các khoản giảm trừ TNCN các nước áp dụng được chia thành ba nhóm sau: i) giảm trừ chung cho cá nhân người nộp thuế; ii) các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc, như giảm trừ cho con, cho vợ hoặc chồng, cho bố, mẹ...; và iii) các khoản giảm trừ có tính chất đặc thù (ví dụ, giảm trừ cho chi phí y tế, giáo dục...). Cụ thể như sau:

- Các khoản giảm trừ chung: Đây là khoản được loại trừ ra khỏi thu nhập tính thuế, được quy định cụ thể tại Luật Thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thi hành, không xem xét đến “hành vi” sử dụng thu nhập của cá nhân người nộp thuế (khác với các khoản giảm trừ đặc thù trình bày dưới đây). Trên phương diện lý thuyết, lý do áp dụng các khoản giảm trừ chung thường xuất phát từ quan điểm cho rằng mỗi cá nhân cần phải có một mức thu nhập nhất định nhằm đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của cuộc sống, vì thế thu nhập đến ngưỡng này nên được miễn thuế. Việc áp dụng các khoản giảm trừ chung ở nhiều nước còn hướng tới mục tiêu loại trừ các đối tượng có thu nhập thấp ra khỏi diện phải nộp thuế TNCN. Qua đó, giảm bớt gánh nặng cho cơ quan thuế trong việc quản lý, quyết toán thuế, nhất là khi số thuế thu được từ các đối tượng có thu nhập dưới ngưỡng thường chiếm tỷ trọng nhỏ, trong khi chi phí quản lý thu đối với các đối tượng này không nhỏ. Do nhu cầu sống của các cá nhân người nộp thuế rất khác nhau (nhu cầu tiêu dùng khác nhau, đặc điểm tiêu dùng của mỗi vùng mỗi khác...), kinh nghiệm các nước cũng cho thấy việc đưa ra mức giảm trừ bao giờ cũng là vấn đề thường có nhiều ý kiến khác nhau.

- Các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc: Là các khoản giảm trừ áp dụng cho những người mà đối tượng nộp thuế phải nuôi dưỡng (người phụ thuộc). Tuy nhiên, phạm vi người phụ thuộc của các nước cũng có sự khác biệt và có các tiêu chí khác nhau. Mức giảm trừ quy định cho người phụ thuộc thường được quy định thấp hơn so với mức giảm trừ cho cá nhân người nộp thuế. Một số nước có khống chế số lượng người phụ thuộc được tính giảm trừ (ví dụ, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a...), song cũng có nhiều nước không khống chế (ví dụ, Mỹ, Anh). Cũng có nước không quy định riêng mức giảm trừ cho người phụ thuộc và cho cá nhân người nộp thuế mà quy định một mức chung (ví dụ Trung Quốc...).

- Các khoản giảm trừ đặc thù: Đây là các khoản giảm trừ mà đối tượng nộp thuế được hưởng khi đáp ứng được một số tiêu chí nhất định, ví dụ như chi tiêu cho các khoản mục mà nhà nước cần khuyến khích (ví dụ cho y tế, giáo dục...). Theo đó, phạm vi các khoản giảm trừ này cũng rất đa dạng. Có quốc gia

⁷ Theo Nghị quyết số 1326/NQ-UBTVQH15 ngày 23/12/2024 của UBTVQH về chương trình công tác của UBTVQH năm 2025 đã bổ sung Nghị quyết về điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN (hiện đang triển khai xây dựng).

cho phép giảm trừ các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... để khuyến khích người dân tham gia các dịch vụ này; có quốc gia cho phép giảm trừ chi phí giáo dục của con hoặc có quốc gia cho phép giảm trừ đối với các khoản lãi tiền vay mua nhà trả góp (để khuyến khích người dân sở hữu nhà) hay là các khoản đóng góp từ thiện.

Phương thức quy định về mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế cũng rất khác nhau giữa các quốc gia. Có quốc gia quy định một mức cứng tương tự như Việt Nam (ví dụ, Trung Quốc, Ác-hen-ti-na...), nhưng có quốc gia quy định theo tỷ lệ phần trăm (%) thu nhập và không chế mức giảm trừ tối đa (ví dụ, Thái Lan, Hàn Quốc...). Quy mô của các khoản giảm trừ được các nước thiết kế chủ yếu dựa vào quan điểm của từng nước trong chính sách động viên về thuế TNCN và thường không dựa vào một công thức cụ thể nào. Hầu hết các quốc gia đều xác định mức giảm trừ bản thân người nộp thuế ở mức tương đương từ 0,5 đến 1,5 lần thu nhập bình quân đầu người; nếu tính thêm giảm trừ cho người phụ thuộc thì mức giảm trừ gia cảnh thường tương đương khoảng từ 1 đến 2 lần thu nhập bình quân đầu người.

Ngoài ra, đối với các nước đang phát triển, qua tham khảo về những thay đổi chính sách thuế TNCN ở các nước này trong thời gian qua cho thấy tần suất điều chỉnh các khoản giảm trừ ít thường xuyên hơn so với các nước phát triển. Luật thuế các nước này nhìn chung cũng không quy định cứng tần suất bao lâu sẽ thực hiện điều chỉnh nên thực tế thường được ổn định trong một thời gian nhất định.

Việc thực hiện chính sách thuế TNCN có vai trò rất quan trọng để triển khai chính sách phân phối lại, đảm bảo công bằng xã hội. Cùng với các nguồn thu khác, nguồn thu từ thuế TNCN đã được sử dụng để đáp ứng rất nhiều các nhu cầu chỉ cho đầu tư phát triển, an ninh quốc phòng, đảm bảo an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo. Việc áp dụng thuế TNCN cần đảm bảo phù hợp với hoàn cảnh sống của người nộp thuế đặt trong bối cảnh KT-XH, mức sống và thu nhập bình quân của người lao động.

Do vậy, đề xuất giao Chính phủ quy định mức giảm trừ gia cảnh để đảm bảo linh hoạt, chủ động điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước trong từng thời kỳ.

- Sửa đổi, hoàn thiện phạm vi xác định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ

Điều 20 Luật Thuế TNCN hiện hành quy định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công bao gồm: khoản đóng góp vào tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa; khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học.

Hiện nay, việc hình thành và mở rộng các quỹ xã hội, quỹ từ thiện là giải pháp để giúp Chính phủ hỗ trợ phúc lợi cho các đối tượng yếu thế, trong đó các nguồn quỹ được hình thành từ sự huy động, đóng góp của người dân, người lao động trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã góp phần thực hiện tốt các chính sách đền ơn, đáp nghĩa, an sinh xã hội, hỗ trợ đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó

khăn hay trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19, bão lũ... thời gian qua. Do vậy, việc rà soát để bổ sung phạm vi xác định các khoản đóng góp được giảm trừ là cần thiết để thúc đẩy người lao động có điều kiện thuận lợi tham gia hỗ trợ cho các quỹ này.

(5) Về Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công

Khoản 2 Điều 22 Luật Thuế TNCN quy định Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công với 7 bậc thuế: 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30% và 35%. Qua quá trình thực tế thực hiện, có quan điểm cho rằng Biểu thuế lũy tiến từng phần hiện hành là chưa hợp lý, quá nhiều bậc, giãn cách giữa các bậc quá hẹp dễ dẫn đến nhảy bậc thuế khi tổng hợp thu nhập vào cuối năm làm tăng số thuế phải nộp, số lượng phải quyết toán thuế trong khi số thuế phải nộp thêm không nhiều.

Việc áp dụng thu thuế TNCN theo các mức thuế suất lũy tiến từng phần là chính sách được áp dụng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Theo đó, hầu hết các nước đều áp dụng biểu thuế lũy tiến có nhiều bậc khác nhau để áp dụng thu thuế theo các mức khác nhau đối với các nhóm người nộp thuế có mức thu nhập khác nhau, qua đó, đảm bảo tính công bằng theo chiều dọc của chính sách thuế (số thuế phải trả tăng theo sự gia tăng thu nhập). Tuy cách thức và phương thức thiết kế biểu thuế các nước cũng khác nhau, tùy thuộc vào quan điểm thiết kế chính sách thuế TNCN của mỗi nước. Xu hướng chung được một số quốc gia thực hiện gần đây là thực hiện đơn giản hóa của Biểu thuế thông qua việc giảm số bậc trong Biểu thuế.

Qua rà soát cơ cấu biểu thuế hiện nay và nghiên cứu xu hướng cải thiện về mức sống dân cư trong thời gian tới cũng như kinh nghiệm quốc tế⁸, có thể nghiên cứu để cắt giảm số bậc thuế của Biểu thuế hiện nay từ 7 bậc xuống mức phù hợp; cùng với đó, xem xét nới rộng khoảng cách thu nhập trong các bậc thuế, đảm bảo điều tiết ở mức cao hơn vào những người có thu nhập ở bậc thuế cao. Thực hiện theo hướng này sẽ góp phần đơn giản hóa, giảm số bậc thuế nhằm tạo thuận lợi cho công tác kê khai, nộp thuế của người nộp thuế.

Việc sửa đổi Biểu thuế TNCN cần phù hợp với định hướng được đặt ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, đảm bảo phù hợp với bối cảnh KT-XH, thu nhập và mức sống của người dân và với thông lệ quốc tế, đặc biệt là với các nước có điều kiện tương đồng, vừa đảm bảo quyền lợi của người lao động, khuyến khích sự phát triển của thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế, vừa đảm bảo nguồn thu cho NSNN.

(6) Về kỳ tính thuế, khấu trừ thuế, thời điểm xác định thu nhập chịu thuế, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của người nộp thuế

Để đảm bảo về căn cứ pháp luật, phù hợp với thực tiễn, minh bạch, đơn giản trong việc kê khai, nộp thuế của người nộp thuế và cơ quan thuế trong quá

⁸ Biểu thuế của In-đô-nê-xi-a bao gồm 5 bậc thuế với các mức thuế suất 5%, 15%, 25%, 30% và 35%; của Phi-líp-pin bao gồm 5 bậc thuế với các mức thuế suất 15%, 20%, 25%, 30%, 35%; một số quốc gia như Ma-lai-xi-a cũng đã giảm số bậc thuế từ 11 bậc (năm 2021) xuống 9 bậc (2024).

trình thực hiện, đề xuất:

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về kỳ tính thuế đối với thu nhập từ kinh doanh

Hiện hành Luật Thuế TNCN quy định đối với thu nhập từ kinh doanh, kỳ tính thuế theo năm và không phải quyết toán thuế. Tuy nhiên, thực tế thực hiện có nhiều hình thức kinh doanh kèm theo các phương thức thanh toán khác nhau, ví dụ như hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai phát sinh doanh thu lớn nên áp dụng kỳ tính thuế theo tháng sẽ phù hợp hơn; hay đối với cá nhân kinh doanh lưu động, cá nhân là chủ thầu xây dựng tư nhân phát sinh thu nhập theo lần/theo kỳ thanh toán...

Đề xuất vẫn giữ kỳ tính thuế theo năm áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh, tuy nhiên bổ sung nội dung trừ một số trường hợp do Chính phủ quy định để đảm bảo linh hoạt, phù hợp với thực tế.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế để đảm bảo tính thống nhất, khả thi trong thực hiện

Chính sách thuế TNCN có một số đặc thù riêng, trong đó nhằm đảm bảo công tác quản lý thu thuế được hiệu quả và phù hợp, tại Nghị định quy định chi tiết Luật Thuế TNCN đã có quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế (thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng chứng khoán, trúng thưởng, bản quyền, nhượng quyền thương mại, thu nhập của cá nhân không cư trú...), các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế (thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng...).

Tuy nhiên, thực tế thực hiện đã phát sinh vấn đề là cá nhân kinh doanh qua các sàn thương mại điện tử có chức năng đặt hàng trực tuyến. Mặc dù các sàn thương mại điện tử chỉ là đơn vị trung gian giữa người bán và người mua nhưng lại có thể xác định được doanh thu của người bán qua sàn. Hoặc đối với các trường hợp cá nhân ký kết hợp đồng hợp tác với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận chuyển, giao hàng... nếu để cá nhân kinh doanh kê khai, nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế sẽ phức tạp trong quản lý, không đảm bảo tính khả thi, hiệu quả.

Theo đó, để đảm bảo căn cứ pháp lý, cần thiết sửa đổi, bổ sung quy định về các loại thu nhập phải khấu trừ thuế, các loại thu nhập không phải khấu trừ thuế phù hợp với thực tiễn và các hoạt động kinh tế mới phát sinh.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về thời điểm xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản

Hiện hành, Luật Thuế TNCN (Điều 14) quy định thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Thực tế thực hiện phát sinh vấn đề vướng mắc đối với trường hợp người

chuyển nhượng bất động sản ủy quyền cho người mua nộp thuế thay, khi người mua làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu/quyền sử dụng bất động sản thì cơ quan quản lý mới thực hiện xác định nghĩa vụ thuế.

Do vậy, đề xuất thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng bất động sản là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật hoặc thời điểm đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu bất động sản.

- Sửa đổi, hoàn thiện quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của người nộp thuế (Điều 24, Điều 33 Luật Thuế TNCN hiện hành) để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Những nội dung bổ sung (03 nội dung)

(1) Bổ sung quy định về nhóm thu nhập khác thuộc diện chịu thuế TNCN

Điều 3 Luật Thuế TNCN hiện hành quy định chung về thu nhập chịu thuế bao gồm 10 loại thu nhập: (1) thu nhập từ kinh doanh; (2) thu nhập từ tiền lương, tiền công; (3) thu nhập từ đầu tư vốn; (4) thu nhập từ chuyển nhượng vốn; (5) thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; (6) thu nhập từ trúng thưởng; (7) thu nhập từ bản quyền; (8) thu nhập từ nhượng quyền thương mại; (9) thu nhập từ nhận thừa kế; (10) thu nhập từ nhận quà tặng. Luật Thuế TNCN giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn.

Nội dung quy định cụ thể các loại thu nhập chịu thuế TNCN như Luật hiện hành về cơ bản là phù hợp với thực tiễn tình hình KT-XH và các hình thức hoạt động trong đời sống dân cư, đồng thời, cũng phù hợp với thông lệ quốc tế nói chung. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của đời sống KT-XH và các hình thức hoạt động kinh doanh mới đã phát sinh một số khoản thu nhập khác của cá nhân ngoài các loại thu nhập chịu thuế đã được quy định nêu trên và thường là các khoản thu nhập khác có tính chất đặc thù như thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, quyền tài sản như chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn”, chuyển nhượng biển số xe ô tô trúng đấu giá (cùng với xe ô tô gắn biển số trúng đấu giá), giao dịch tài sản số (tài sản ảo, tài sản mã hóa),... Các khoản thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, quyền tài sản này cũng có bản chất giống với một số khoản thu nhập không thường xuyên (thu nhập vãng lai) đang thuộc diện chịu thuế TNCN hiện nay như thu nhập từ bản quyền, thu nhập từ nhượng quyền thương mại...

Tại Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và các Văn kiện của Đảng thời gian gần đây cũng như Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội đã đặt ra chủ trương đẩy mạnh các biện pháp khai thác dư địa thu, mở rộng cơ sở thuế. Với sự đa dạng nguồn gốc thu nhập của cá nhân gắn với mục tiêu, yêu cầu mở rộng cơ sở thuế, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung quy định về

nhóm thu nhập khác để phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước về mở rộng cơ sở thuế, đảm bảo bao quát hơn thực tế hiện nay, đảm bảo tính công bằng giữa các cá nhân có phát sinh thu nhập, đồng thời phù hợp với nguyên tắc đánh thuế TNCN và thông lệ quốc tế.

Các loại thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn”;
- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các – bon, trái phiếu xanh;
- Thu nhập từ chuyển nhượng biển số xe ô tô trúng đấu giá (cùng với xe ô tô gắn biển số trúng đấu giá);
- Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số (tài sản ảo, tài sản mã hóa);
- Thu nhập từ quyền sử dụng, quyền sở hữu, chuyển nhượng tài sản khác do Chính phủ quy định.

Thuế TNCN đối với thu nhập khác được tính bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất. Trong đó, thu nhập tính thuế là phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh thu nhập; thuế suất 5% (tương đồng như thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại hiện nay).

Riêng đối với thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số (tài sản ảo, tài sản mã hóa...) trên sàn giao dịch quản lý minh bạch, công khai về giá và với tần suất thường xuyên, đề nghị áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần giao dịch như đối với chuyển nhượng chứng khoán hiện nay.

Đối với thu nhập từ quyền sử dụng, quyền sở hữu, chuyển nhượng tài sản khác do Chính phủ quy định. Việc giao Chính phủ quy định chi tiết về các khoản thu nhập khác sẽ đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát sinh, đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền cho Chính phủ quy định chi tiết những vấn đề còn biến động để đảm bảo linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành, phù hợp với các nguyên tắc ban hành Luật được xác định gần đây là Luật chỉ quy định những nội dung có tính nguyên tắc.

(2) Bổ sung một số quy định về miễn thuế, giảm thuế TNCN

Việc bổ sung một số quy định về miễn, giảm thuế TNCN nhằm thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển các lĩnh vực ưu tiên, đảm bảo việc miễn, giảm thuế phù hợp với thực tiễn, minh bạch trong thực hiện và phù hợp với xu hướng cải cách thuế TNCN trên thế giới. Cụ thể:

- *Bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản.*

Tại điểm a khoản 2 Điều 23 Luật Thuế TNCN quy định thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân là 5%. Thực tế các năm gần đây đã phát sinh việc phát triển mô hình hợp tác, liên kết giữa nông dân với hợp tác xã hoặc

doanh nghiệp để sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn. Luật Thuế TNCN hiện hành đã có quy định thu nhập từ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được miễn thuế TNCN nhưng chưa có quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản (đang phải nộp thuế TNCN với mức thuế suất 5%) nên chưa thực sự khuyến khích cá nhân hợp tác, liên kết sản xuất với doanh nghiệp.

Theo đó, để cùng với các chính sách khác khuyến khích sự phát triển của ngành nông nghiệp theo định hướng của Đảng và Nhà nước, đề xuất bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với đối với thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản; đồng thời chỉnh sửa một số thuật ngữ tại khoản 5 Điều 4 Luật Thuế TNCN hiện hành cho phù hợp với pháp luật liên quan.

- Bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ lãi tín phiếu kho bạc.

Luật Thuế TNCN (khoản 3 Điều 3) hiện hành quy định thu nhập từ đầu tư vốn là thu nhập chịu thuế TNCN, trừ thu nhập từ lãi trái phiếu chính phủ.

Khác với hoạt động đầu tư vốn để kiếm lợi nhuận, việc mua trái phiếu Chính phủ chủ yếu với mục tiêu bảo toàn giá trị, không đặt nặng vấn đề sinh lời, đây là khoản vốn Nhà nước huy động để đầu tư cho các dự án, công trình trọng điểm cụ thể thuộc phạm vi đầu tư của Nhà nước. Tương tự với tín phiếu kho bạc, được phát hành thông qua Kho bạc Nhà nước nhằm bù đắp những thiếu hụt tạm thời trong ngân sách nhà nước, là công cụ để nhà nước điều tiết tiền tệ thông qua thị trường mở. Mức lãi suất do Nhà nước quy định thường thấp hơn lãi suất thương mại. Thực tế trên thế giới cũng có nhiều quốc gia quy định thu nhập từ tiền lãi trái phiếu Chính phủ thuộc diện được miễn thuế TNCN.

Do vậy, đề xuất bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ lãi tín phiếu kho bạc.

- Bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các - bon lần đầu sau khi phát hành của cá nhân được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các - bon; thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành.

Hiện nay xu hướng quốc tế đang khuyến khích phát triển các dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (CDM) do đây là các dự án đầu tư sản xuất theo công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường, có kết quả giảm phát thải khí nhà kính. Ban chấp hành quốc tế về CDM⁹ thực hiện việc giám sát, chấp thuận đăng ký và cấp chứng chỉ giảm phát thải. Tổ chức, cá nhân có quyền chuyển nhượng chứng chỉ cho các đối tượng có nhu cầu và có thêm nguồn vốn để đầu tư công

⁹ Tổ chức được các nước tham gia Công ước Khí hậu thành lập và ủy quyền giám sát các dự án CDM, chấp thuận đăng ký và cấp chứng chỉ giảm phát thải.

nghệ sản xuất sạch.

Phát triển thị trường tín chỉ các-bon là giải pháp quan trọng để thực hiện các mục tiêu về bảo vệ môi trường và tại Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) số 72/2020/QH14 được Quốc hội thông qua năm 2020 (có hiệu lực thi hành từ 01/01/2022) đã có các quy định về tín chỉ các-bon, cơ chế trao đổi, chuyển nhượng tín chỉ các-bon cũng như đề ra chủ trương Nhà nước cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ để khuyến khích phát triển.

Luật BVMT cũng đã có quy định về trái phiếu xanh do Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật về trái phiếu để huy động vốn cho hoạt động BVMT, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường; Chủ thể phát hành và nhà đầu tư mua trái phiếu xanh được hưởng các ưu đãi theo quy định và giao Chính phủ quy định chi tiết.

Thực tế những năm gần đây, để thúc đẩy hoạt động BVMT, nhiều quốc gia trên thế giới đã xây dựng và đưa vào triển khai các chính sách nhằm thúc đẩy thị trường chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon, trái phiếu xanh nhằm khuyến khích bảo vệ môi trường thông qua việc giảm phát thải các-bon, nâng cao nhận thức của cộng đồng xã hội về giảm phát thải khí nhà kính, hướng đến tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Để thúc đẩy hơn nữa các hoạt động hướng tới mục tiêu phát triển bền vững tại Việt Nam, nhất là trong việc thực hiện các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26, Bộ Tài chính đề xuất bổ sung vào diện được miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các-bon lần đầu sau khi phát hành của cá nhân được cấp chứng chỉ giảm phát thải, tín chỉ các-bon; thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu xanh; thu nhập từ chuyển nhượng trái phiếu xanh lần đầu sau khi phát hành, tương tự như kinh nghiệm của các nước trên thế giới đang áp dụng.

Hiện nay, tại Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 đã được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2025 cũng đã đề xuất bổ sung quy định miễn thuế TNDN đối với thu nhập của các hoạt động này. Theo đó, việc sửa đổi, bổ sung này sẽ đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong thực hiện các mục tiêu chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến thúc đẩy tăng trưởng xanh.

- Bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng NSNN.

Tại khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia quy định miễn thuế TNCN đối với khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng NSNN.

Tại khoản 3 Điều 71 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, Bộ Tài

chính đề xuất bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng NSNN.

- *Bổ sung quy định miễn thuế đối với thu nhập từ công tác xây dựng pháp luật* theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

- *Bổ sung quy định miễn thuế đối với thu nhập của nhà đầu tư cá nhân, chuyên gia làm việc cho dự án khởi nghiệp sáng tạo, sáng lập viên cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm* theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

- *Sửa đổi, hoàn thiện quy định miễn thuế đối với thu nhập từ quyền tác giả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo khi kết quả nhiệm vụ được thương mại hóa* theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về sở hữu trí tuệ theo quy định tại khoản 3 Điều 71 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

- *Bổ sung quy định miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo* theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

- *Bổ sung quy định miễn thuế trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo* theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

- *Bổ sung quy định về giảm thuế trong một số trường hợp để thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về thu hút nguồn nhân lực trình độ cao trong một số lĩnh vực của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển khoa học và công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo và một số lĩnh vực ưu tiên khác theo định hướng của Đảng và Nhà nước.*

Điều 5 Luật Thuế TNCN quy định: Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp. Quy định này thể hiện sự quan tâm, hỗ trợ của Nhà nước trong trường hợp người nộp thuế gặp khó khăn.

Theo Luật Thuế TNCN hiện hành thì ưu đãi miễn, giảm thuế TNCN không áp dụng đối với cá nhân là nhân lực CNC, trong khi đây là lực lượng lao động quan trọng cần có cơ chế khuyến khích phát triển phù hợp. Luật CNC cũng đã có quy định Nhà nước tập trung đầu tư phát triển nhân lực CNC đạt trình độ

khu vực và quốc tế; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực CNC trong nước và ngoài nước¹⁰, lực lượng trẻ tài năng trong hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, ươm tạo CNC, ươm tạo doanh nghiệp CNC và các hoạt động CNC khác (khoản 3 Điều 4 Luật CNC); Tập trung đầu tư phát triển CNC trong 04 lĩnh vực công nghệ là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa. Luật CNC cũng quy định giao Chính phủ điều chỉnh, bổ sung lĩnh vực công nghệ cần tập trung đầu tư phát triển CNC tùy theo nhu cầu phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh, trong đó đảm bảo CNC được ưu tiên đầu tư phát triển trong các lĩnh vực công nghệ phải phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại của thế giới, phát huy lợi thế của đất nước, có tính khả thi và đáp ứng một trong các điều kiện cụ thể (Điều 5 Luật CNC).

Phát triển khoa học công nghệ, nhân lực CNC là một trong những nhân tố quan trọng để tăng năng suất và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo đó, cần nghiên cứu, bổ sung các quy định phù hợp tại Luật Thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân là nhân lực CNC làm việc tại các cơ sở như: doanh nghiệp CNC, dự án ứng dụng CNC thuộc danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển, dự án sản xuất sản phẩm CNC thuộc danh mục sản phẩm CNC được khuyến khích phát triển và nhân lực có trình độ cao trong một số lĩnh vực ưu tiên phát triển theo định hướng của Đảng và Nhà nước... Mức giảm thuế TNCN đối với nhóm đối tượng này cần đảm bảo hài hòa giữa các mục tiêu về khuyến khích các đối tượng cần ưu tiên thu hút, duy trì hợp lý mức động viên NSNN và không làm sai lệch vai trò của chính sách thuế TNCN.

Đề xuất bổ sung quy định: Giảm 50% thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao làm việc tại các doanh nghiệp, dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông tin, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và một số lĩnh vực ưu tiên phát triển theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

Đồng thời, việc giao Chính phủ quy định chi tiết về các khoản thu nhập được miễn, giảm thuế nêu trên sẽ đảm bảo phù hợp với thực tiễn phát sinh, đảm bảo việc miễn, giảm thuế được thực hiện đúng đối tượng, phù hợp với các nguyên tắc ban hành Luật được xác định gần đây là Luật chỉ quy định những nội dung có tính nguyên tắc.

(3) Bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác

Luật Thuế TNCN hiện hành đã quy định về giảm trừ cho bản thân người nộp thuế, giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc mà người nộp thuế phải nuôi dưỡng; đồng thời Luật cũng quy định không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, các khoản trợ cấp, phụ cấp đặc thù, các khoản đóng góp từ thiện,

¹⁰ Về khái niệm nhân lực CNC, khoản 10 Điều 3 Luật CNC số 21/2008/QH12 quy định: *Nhân lực CNC là đội ngũ những người có trình độ và kỹ năng đáp ứng được yêu cầu của hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng CNC, dịch vụ CNC, quản lý hoạt động CNC, vận hành các thiết bị, dây chuyền sản xuất sản phẩm CNC.*

nhân đạo... Thời gian qua có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu cho phép người nộp thuế được trừ một số khoản chi trong năm ở mức độ phù hợp như các khoản chi phí về y tế, giáo dục trước khi tính thuế. Qua đó, tạo điều kiện cho người nộp thuế tiết giảm được một phần chi phí cho các hoạt động này.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm các nước, nhằm phát huy tốt vai trò, ý nghĩa của chính sách thuế TNCN trong việc điều tiết thu nhập nhưng có tính đến điều kiện, hoàn cảnh của người nộp thuế, đề xuất bổ sung các khoản giảm trừ đặc thù khác bên cạnh các khoản đóng góp cho từ thiện, nhân đạo đã được quy định tại Luật hiện hành trước khi tính thuế cho cá nhân người nộp thuế, cụ thể: Người nộp thuế được giảm trừ vào thu nhập trước khi tính thuế các khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo của người nộp thuế và của bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con đang là người phụ thuộc của người nộp thuế.

Theo đó, phạm vi các khoản chi được giảm trừ và mức độ được giảm trừ đối với các khoản chi cần phải được cân nhắc, tính toán phù hợp để vừa đạt được mục tiêu đề ra nhưng cũng không làm giảm vai trò của chính sách thuế TNCN dưới phương diện là một công cụ điều tiết thu nhập, thực hiện phân phối lại thu nhập trong nền kinh tế. Do vậy, đề nghị giao Chính phủ quy định chi tiết để đảm bảo linh hoạt, phù hợp với tình hình KH-XH.

3. Những nội dung lược bỏ (03 nội dung)

Qua tổng kết, rà soát, cần thiết lược bỏ quy định về 03 nội dung: (1) bỏ quy định về áp dụng điều ước quốc tế (Điều 9) để thống nhất thực hiện theo quy định của khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế; (2) bỏ các quy định liên quan về quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế như quy định về quy đổi thu nhập chịu thuế ra Đồng Việt Nam (Điều 6); (3) bỏ quy định về quản lý thuế, hoàn thuế (Điều 8). Đây là các nội dung mà pháp luật chuyên ngành đã có quy định cụ thể. Việc lược bỏ các nội dung này tại Luật Thuế TNCN sẽ đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, không làm phát sinh thủ tục hành chính, không gây ra các tác động khác đối với NSNN và các vấn đề KT-XH có liên quan.

4. Những nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về thuế TNCN nhằm thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về mở rộng cơ sở thuế, đảm bảo bền vững nguồn thu NSNN, thực hiện điều tiết thu nhập một cách hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của đất nước; đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế về cải cách chính sách thuế TNCN và xu hướng phát triển; đảm bảo tính minh bạch, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và cơ quan thuế trong việc tuân thủ pháp luật về thuế TNCN, qua đó thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính.

Ngoài ra, như báo cáo ở trên, cần thiết lược bỏ một số nội dung liên quan đến quản lý thuế TNCN đã được quy định tại Luật Quản lý thuế để thống nhất thực hiện theo quy định tại Luật này nhằm đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

5. Những nội dung phân cấp, phân quyền (02 nội dung)

Liên quan đến phân cấp, phân quyền, cần thiết rà soát một số quy định giao Chính phủ như tại Luật Thuế TNCN hiện hành (như giao Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung cụ thể về người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, thu nhập được miễn thuế, giảm thuế và căn cứ tính thuế...), đồng thời bổ sung thẩm quyền cho Chính phủ, Bộ Tài chính và một số Bộ, ngành liên quan quyết định một số nội dung cụ thể:

5.1. Giao Chính phủ quy định mức giảm trừ gia cảnh, ngưỡng doanh thu kinh doanh không phải nộp thuế TNCN; phạm vi xác định các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo được giảm trừ, các khoản giảm trừ đặc thù khác; mức đóng góp bảo hiểm tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ của người lao động.

5.2. Giao các Bộ, ngành

- Bộ Tài chính: Dự kiến phân cấp giao Bộ Tài chính một số nội dung đang quy định tại Nghị định về thuế TNCN hiện hành như: mức thu nhập thấp để xác định người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh; mức tạm khấu trừ thuế TNCN đối với các khoản thu nhập vãng lai phát sinh không thường xuyên của cá nhân; điều kiện, tiêu chí đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA không hoàn lại, viện trợ phi chính phủ nước ngoài, nhân viên Việt Nam làm việc cho cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên Hợp quốc được miễn thuế TNCN.

- Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể điều kiện, tiêu chí xác định cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực CNC, nhân lực có trình độ cao để làm căn cứ xác định đối tượng được giảm thuế.

- Bộ Khoa học và Công nghệ quy định nội hàm khái niệm, tiêu chí, điều kiện, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo để có cơ sở xác định thu nhập của cá nhân phát sinh từ các tổ chức này.

Trên đây là Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Thuế TNCN và một số đề xuất của Bộ Tài chính đối với dự án Luật Thuế TNCN (thay thế)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng
- Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, CST (TN).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn